

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HS-ST

Ngày 19-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lê Thị Hương
+ Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê
Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2023/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đồng Dương K, sinh ngày 17-8-1989, tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; Dân tộc: Chăm; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Bà Ni; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng C, sinh năm 1954 và bà Ngự Thị L, sinh năm 1967; Chung sống với bà Trần Thị H, sinh năm 1997 như vợ chồng (Chưa đăng ký kết hôn); có 02 con chung lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 19-7-2010, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù giam về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 36/2010/HS-ST.

- Ngày 28-11-2014, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 02 năm 06 tháng tù về Tội Cướp giết tài sản theo Bản án số 50/2014/HS-ST, chấp hành xong ngày 11-7-2017.

Hiện bị cáo Đồng Dương K đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, trong một vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc T (Xi, Si), sinh ngày 19-5-1991, tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963; Chung sống với bà Trần Thị T, sinh năm 1988 như vợ chồng (Chưa đăng ký kết hôn); có 01 con chung 03 tuổi.

Tiền án: Ngày 22-11-2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 24 tháng tù giam về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 95/2013/HS-PT. Bị cáo chưa chấp hành xong việc nộp án phí.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 29-8-2013, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 29/2013/HS-ST.

- Ngày 20-9-2013, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 24 tháng tù về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 84/2013/HS-ST .

- Ngày 25-9-2013, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 53/2013/HS-ST .

- Ngày 05-11-2013, bị Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 42/2013/HS-ST .

- Ngày 19-02-2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận ra Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2014/QĐTHHP buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm 08 tháng tù, thi hành xong ra trại ngày 27-4-2018.

Hiện bị cáo Nguyễn Ngọc T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, trong một vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Bà Quảng Thị Ngọc T1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn P, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Ông Thạch Ngọc N, sinh năm 1988, Nơi cư trú: Thôn P, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhu cầu cần tiền tiêu xài cho bản thân nên khoảng 15 giờ ngày 06-10-2022, Đồng Dương K rủ Nguyễn Ngọc T đi tìm người dân đeo dây chuyền vàng để cướp giật, bán lấy tiền thì T đồng ý. K điều khiển xe mô tô biển số 85B1-168.20, hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng là xe K và T trộm cắp của anh Đặng Tuấn A, chở T đi từ huyện N1 đến huyện N. Khi đi đến đoạn đường liên xã thuộc

thôn P1, xã P1, huyện N thì thấy chị Quảng Thị Ngọc T1 đang điều khiển xe mô tô biển số 85D1-190.64, loại Vision, màu đỏ đi phía trước, trên cổ bà T1 có đeo một sợi dây chuyền vàng. Lúc này, K chạy xe lên áp sát bên trái xe của bà T1, rồi dùng tay phải giật sợi dây chuyền của bà T1 nhưng sợi dây chuyền bị đứt rơi lại tại hiện trường nên K không lấy được. Ngay sau đó, K tăng ga xe chở T chạy về hướng thôn T, xã P1 rồi cả hai bỏ trốn. Ngày 03-11-2022, K và T bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 525 và 526 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Đồng Dương K và Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 77a/KLGĐTS-HĐĐG ngày 30-11-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện N kết luận: Giá trị sợi dây chuyền 18K tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Ngọc T chưa chấp hành xong việc nộp án phí đối với Bản án số 95/HS-PT ngày 22-11-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận nên chưa được xóa án tích, do vậy phải chịu tình tiết tăng nặng là Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tự thú, thành khẩn khai báo. Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Về vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và xử lý:

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng được nối với nhau bằng các mắt xích đơn bị đứt thành hai đoạn gồm một đoạn dài 33cm, một đoạn dài 20,5 cm và 01 (một) mặt dây chuyền hình bông hoa bằng kim loại màu vàng, bên trên có gắn đá trang sức, do bà Quảng Thị Ngọc T1 giao nộp để phục vụ công tác điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà T1.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 85B1-168.20, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng là phương tiện K và T trộm cắp của anh Đặng Tuấn A. Do chưa truy tìm được phương tiện và vụ việc thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại sợi dây chuyền, bà Quảng Thị Ngọc T1 không yêu cầu gì thêm nên không xét đến.

Tại phiên toà các bị cáo Đồng Dương K, Nguyễn Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng và không kêu oan, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-HS, ngày 10-02-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố các bị cáo Đồng Dương K, Nguyễn Ngọc T

về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa vẫn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đồng Dương K, Nguyễn Ngọc T (Xi, Si) phạm tội “Cướp giật tài sản”. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s (Thành khẩn khai báo), r (Tự thú) khoản 1, (Tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị hại) khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Đồng Dương K từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s (Thành khẩn khai báo), r (Tự thú) khoản 1, (Tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị hại) khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T (Xi, Si) từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Các bị cáo Đồng Dương K, Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không trình bày tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người làm chứng. Xét việc vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Về tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo:

Xét lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, biên tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản thực nghiệm điều tra cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do nhu cầu cần tiền tiêu xài cho bản thân nên khoảng 15 giờ ngày 06-10-2022, Đồng Dương K rủ Nguyễn Ngọc T đi tìm người dân đeo dây chuyền vàng để cướp giật, bán lấy tiền thì T đồng ý. K điều khiển xe mô tô biển số 85B1-168.20, hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng là xe K và T trộm cắp của anh Đặng Tuấn A, chở T đi từ huyện N1 đến huyện N. Khi đi đến đoạn đường liên xã thuộc thôn P1, xã P1, huyện N thì thấy chị Quảng Thị Ngọc T1 đang điều khiển xe mô tô biển số 85D1-190.64, loại Vision, màu đỏ đi phía trước, trên cổ bà T1 có đeo một sợi dây chuyền vàng. Lúc này, K chạy xe lên áp sát bên trái xe của bà T1, rồi dùng tay phải giật sợi dây chuyền của bà T1 nhưng sợi dây chuyền bị đứt rơi lại tại hiện trường nên K không lấy được. Ngay sau đó, K tăng ga xe chở T chạy về hướng thôn T, xã P1 rồi cả hai bỏ trốn. Ngày 03-11-2022, K và T bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 525 và 526 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Đồng Dương K và Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của các bị cáo Đồng Dương K, Nguyễn Ngọc T đã phạm tội “Cướp giật tài sản”. Được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xác định nguyên nhân, lỗi, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ nhu cầu muốn có tiền tiêu dùng cá nhân, không nhằm mục đích làm nguồn sống; hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý; Tội phạm các bị cáo thực hiện quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là tội phạm rất nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất đến 10 năm tù.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đồng Dương K không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo Nguyễn Ngọc T có tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, do bị cáo Nguyễn Ngọc T chưa chấp hành xong việc nộp án phí đối với Bản án số 95/HS-PT ngày 22-11-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, nên chưa được xóa án tích.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú; tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị

hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tiền án, tiền sự và nhân thân: Đối với bị cáo Đồng Dương K, ngày 19-7-2010, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 36/2010/HS-ST; Ngày 28-11-2014, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 50/2014/HS-ST, chấp hành xong ngày 11-7-2017. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, ngày 22-11-2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 24 tháng tù giam về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 95/2013/HS-PT; Ngày 29-8-2013, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 29/2013/HS-ST; Ngày 20-9-2013, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 24 tháng tù về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 84/2013/HS-ST; Ngày 25-9-2013, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 53/2013/HS-ST; Ngày 05-11-2013, bị Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về Tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 42/2013/HS-ST; Ngày 19-02-2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận ra Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2014/QĐTHHP buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm 08 tháng tù, thi hành xong ra trại ngày 27-4-2018. Đáng lẽ ra, các bị cáo phải lấy đó làm bài học cho bản thân, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên đã tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo chưa thực sự ăn năn hối cải, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng cho các bị cáo tình tiết này.

[8]. Quyết định hình phạt chính đối với các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

+ Đối với bị cáo Đồng Dương K là người khởi xướng và người trực tiếp thực hiện, nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và các quy tắc của cuộc sống đồng thời có tác dụng đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T là người giúp sức, hơn nữa tại Bản án số 95/HS-PT ngày 22-11-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, bị cáo chưa chấp hành xong việc nộp án phí, nên chưa được xóa án tích, mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9]. Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng được nối với nhau bằng các mắt xích đơn bị đứt thành hai đoạn gồm một đoạn dài 33cm, một đoạn dài 20,5 cm và 01 (một) mặt dây chuyền hình bông hoa bằng kim loại màu vàng, bên trên có gắn đá trang sức, do bà Quảng Thị Ngọc T1 giao nộp để phục vụ công tác điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà T1 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 85B1-168.20, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng là phương tiện K và T trộm cắp của anh Đặng Tuấn Anh. Do chưa truy tìm được phương tiện và vụ việc thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không đề nghị xử lý là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại sợi dây chuyền, bà Quảng Thị Ngọc T1 không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[11]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Đồng Dương K, Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Đồng Dương K phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đồng Dương K 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T (Xi, Si) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Đồng Dương K, Nguyễn Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19-4-2023). Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Bình